

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Số: 130 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 17 tháng 3 năm 2014 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã Thuyết		31/12/2014	31/12/2013
	số	minh		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		674.324.250.697	484.556.754.805
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	188.495.115.029	212.873.059.571
1. Tiền	111		4.823.569.352	5.160.778.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		183.671.545.677	207.712.281.247
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		257.384.941.666	115.848.141.795
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	257.384.941.666	115.848.141.795
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		174.410.691.118	103.092.697.423
1. Phải thu khách hàng	131		133.772.053.697	63.553.915.778
2. Trả trước cho người bán	132		8.928.059.770	6.021.830.293
3. Các khoản phải thu khác	135	7	47.885.322.395	33.598.637.016
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.174.744.744)	(81.685.664)
IV. Hàng tồn kho	140	8	49.891.297.717	49.144.324.076
1. Hàng tồn kho	141		49.891.297.717	49.144.324.076
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.142.205.167	3.598.531.940
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		92.492.678	198.830.908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.481.772.489	2.955.878.032
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		567.940.000	443.823.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 220+250+260)	200		919.122.365.440	972.208.694.783
I. Tài sản cố định	220		750.312.381.414	813.210.759.969
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	564.171.292.815	700.228.069.096
- Nguyên giá	222		2.178.807.123.918	2.172.378.139.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.614.635.831.103)	(1.472.150.070.703)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	18.946.984.581	12.338.577.471
- Nguyên giá	228		22.600.843.910	15.252.657.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.653.859.329)	(2.914.080.289)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	167.194.104.018	100.644.113.402
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		167.609.315.885	158.178.144.533
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	8.498.144.533	6.098.144.533
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	173.080.000.000	152.080.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	14	(13.968.828.648)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.200.668.141	819.790.281
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.076.126.248	695.248.388
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.593.446.616.137	1.456.765.449.588

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2014	31/12/2013
	số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		527.326.640.516	483.743.361.149
I. Nợ ngắn hạn	310		181.880.036.628	248.973.525.747
1. Vay ngắn hạn	311	15	44.348.186.150	117.336.000.000
2. Phải trả người bán	312		22.872.163.965	27.301.066.836
3. Người mua trả tiền trước	313		96.954.862	18.438.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	43.580.650.677	47.523.924.845
5. Phải trả người lao động	315		28.525.610.377	18.743.622.502
6. Chi phí phải trả	316	17	13.254.735.845	14.094.221.813
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	21.064.769.588	16.954.614.988
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.136.965.164	7.001.636.763
II. Nợ dài hạn	330		345.446.603.888	234.769.835.402
1. Vay dài hạn	334	19	343.376.404.038	234.738.195.402
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		45.561.600	31.640.000
3. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.024.638.250	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.030.720.716.994	937.186.831.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.030.720.716.994	937.186.831.672
1. Vốn cổ phần	411		700.000.000.000	700.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		56.454.368.091	56.454.368.091
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(170.802.403)	(170.802.403)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		29.226.057.428	46.889.661
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	24.251.370.991
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		245.211.093.878	156.605.005.332
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	21	35.399.258.627	35.835.256.767
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		1.593.446.616.137	1.456.765.449.588



Hồ Thành Công
Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	687.318.588.435	496.638.052.141
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		687.318.588.435	496.638.052.141
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	299.977.693.858	238.694.546.745
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		387.340.894.577	257.943.505.396
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	24.268.097.945	22.480.502.161
6. Chi phí tài chính	22	27	49.648.707.922	48.193.658.828
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		35.679.879.274	48.061.739.960
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		47.979.215.136	22.837.193.279
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		313.981.069.464	209.393.155.450
9. Thu nhập khác	31		1.872.194.625	974.080.571
10. Chi phí khác	32		2.125.281.023	1.146.076.863
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(253.086.398)	(171.996.292)
12. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	45		-	20.421.729
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		313.727.983.066	209.241.580.887
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	71.902.121.144	48.493.748.356
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(366.956.260)	(35.738.641)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		242.192.818.182	160.783.571.172
Phân bổ cho:				
- Lợi ích cổ đông thiểu số	61		2.866.169.527	4.393.799.611
- Cổ đông của công ty mẹ	62		239.326.648.655	156.389.771.561
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	3.419	2.234

Hồ Thành Công
Người lập biểu

Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	313.727.983.066	209.241.580.887
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	144.845.495.258	141.944.885.608
Các khoản dự phòng	03	30.061.887.728	(311.013.191)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(24.550.129.351)	(22.369.005.023)
Chi phí lãi vay	06	35.679.879.274	48.061.739.960
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	499.765.115.975	376.568.188.241
Thay đổi các khoản phải thu	09	(98.453.258.190)	36.611.721.453
Thay đổi hàng tồn kho	10	(746.973.641)	(43.482.603.486)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(27.414.788.364)	20.931.094.219
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	106.338.230	809.288.209
Tiền lãi vay đã trả	13	(35.340.065.769)	(45.768.183.178)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(46.949.555.237)	(56.312.880.128)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.054.071.459)	(4.204.279.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	285.912.741.545	285.152.346.138
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(75.708.909.993)	(43.049.212.840)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	329.178.188	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(162.536.799.871)	(105.730.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	29.811.172.777
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.400.000.000)	(4.061.730.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.845.772.890
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.059.160.457	22.735.513.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(221.257.371.219)	(90.448.483.814)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	371.795.271.330	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.419.628.098)	(77.312.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(140.408.958.100)	(104.036.057.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(89.033.314.868)	(181.348.057.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(24.377.944.542)	13.355.805.224
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	212.873.059.571	199.517.254.347
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	188.495.115.029	212.873.059.571



Hồ Thành Công
Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

002
ÁNH
TY
HỮU
H
TE
AM
5 CHI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4403000108 ngày 01 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Phát điện 2 – Cổ đông Nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18 tháng 6 năm 2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 194 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 193 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp; kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ, đường thủy; cho thuê phương tiện giao thông; kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành khoản đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải vay, các khoản trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 20
Thiết bị, văn phòng	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thương hiệu Cosevco do Tổng công ty Xây dựng Miền Trung góp vốn và phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí trong thời gian lần lượt là 10 năm và 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

02-002-
ÁNH
TY
HỮU H
ITE
AM
5 CHI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên, hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên và Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Trong đó, bên liên quan của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất gồm công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.891.729.074	597.782.320
Tiền gửi ngân hàng	2.931.840.278	4.562.996.004
Các khoản tương đương tiền	183.671.545.677	207.712.281.247
	<u>188.495.115.029</u>	<u>212.873.059.571</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với thời hạn không quá 3 tháng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	257.384.941.666	114.348.141.795
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ vay thời hạn 1 năm	-	1.500.000.000
	<u>257.384.941.666</u>	<u>115.848.141.795</u>

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6%/năm đến 7,5%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	19.963.104.346	10.512.857.795
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.749.260.242	10.749.260.242
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.208.937.488	-
Tài sản chờ xử lý (**)	8.070.760.171	8.070.760.171
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.421.000.000	1.624.000.000
Phải thu khác	2.472.260.148	2.641.758.808
	<u>47.885.322.395</u>	<u>33.598.637.016</u>

(*) Theo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk ngày 14 tháng 11 năm 2012, công ty sẽ giải thể và thanh lý tài sản. Các khoản góp vốn sẽ được hoàn trả cho cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk được phân loại lại thành khoản phải thu khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(**) Đây là các khoản công nợ phải thu tồn đọng từ trước giai đoạn cổ phần hóa của Công ty Thủy điện Đăkrosa nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho toàn bộ khoản công nợ này.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.737.014.322	46.377.336.164
Công cụ, dụng cụ	98.797.723	248.785.435
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.055.485.672	2.518.202.477
	49.891.297.717	49.144.324.076

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	1.444.419.541.393	601.222.734.152	117.147.308.651	9.588.555.603	2.172.378.139.799
Mua sắm mới	1.306.144.136	2.006.931.400	3.031.370.909	1.751.640.274	8.096.086.719
Thanh lý	-	-	(1.667.102.600)	-	(1.667.102.600)
Tại ngày 31/12/2014	1.445.725.685.529	603.229.665.552	118.511.576.960	11.340.195.877	2.178.807.123.918
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	766.639.361.000	595.849.985.716	100.649.682.119	9.011.041.868	1.472.150.070.703
Khấu hao trong năm	131.118.808.923	1.295.988.527	11.475.343.617	215.575.151	144.105.716.218
Giảm do thanh lý	-	-	(1.619.955.818)	-	(1.619.955.818)
Tại ngày 31/12/2014	897.758.169.923	597.145.974.243	110.505.069.918	9.226.617.019	1.614.635.831.103
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	677.780.180.393	5.372.748.436	16.497.626.532	577.513.735	700.228.069.096
Tại ngày 31/12/2014	547.967.515.606	6.083.691.309	8.006.507.042	2.113.578.858	564.171.292.815

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 603.932.525.753 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 47.522.595.444 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 533.561.766.788 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 266.535.507.897 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai.

00-00
HÀNH
G TY
M HỮU
ITTE
NAM
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	13.183.457.760	2.000.000.000	69.200.000	15.252.657.760
Mua sắm mới	7.348.186.150	-	-	7.348.186.150
Tại ngày 31/12/2014	20.531.643.910	2.000.000.000	69.200.000	22.600.843.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.244.880.289	1.600.000.000	69.200.000	2.914.080.289
Khấu hao trong năm	339.779.040	400.000.000	-	739.779.040
Tại ngày 31/12/2014	1.584.659.329	2.000.000.000	69.200.000	3.653.859.329
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	11.938.577.471	400.000.000	-	12.338.577.471
Tại ngày 31/12/2014	18.946.984.581	-	-	18.946.984.581

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án Thủy điện Đại Nga	167.194.104.018	100.644.113.402
	167.194.104.018	100.644.113.402

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng	99,78%	99,92%	Thủy điện - đang xây dựng
Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắkrosa	Gia Lai	61,52%	61,52%	Thủy điện

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	Bình Thuận	20%	20%	Phong điện - đang xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	41.486.239.672	29.929.923.027
Tổng công nợ	64.635.101	39.200.361
Tài sản thuần	41.421.604.571	29.890.722.666
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>8.498.144.533</u>	<u>6.098.144.533</u>

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ Điện Đồng Nai	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	149.580.000.000	149.580.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	21.000.000.000	-
	<u>173.080.000.000</u>	<u>152.080.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(13.968.828.648)	-
	<u>159.111.171.352</u>	<u>152.080.000.000</u>

15. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay dài hạn đến hạn trả, chi tiết như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	7.348.186.150	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	37.000.000.000	117.336.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		
- Chi nhánh Bình Phước	26.000.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	63.936.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	35.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	11.000.000.000	18.100.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Kom Tum	-	300.000.000
	<u>44.348.186.150</u>	<u>117.336.000.000</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.914.730.164	1.829.022.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.980.886.010	7.028.320.103
Thuế thu nhập cá nhân	20.574.808	95.983.611
Thuế tài nguyên	2.538.987.295	2.079.002.571
Phí dịch vụ môi trường rừng	6.125.472.400	36.491.596.440
	<u>43.580.650.677</u>	<u>47.523.924.845</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi vay phải trả	13.254.735.845	14.094.221.813
	<u>13.254.735.845</u>	<u>14.094.221.813</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	34.462.896	30.439.120
Bảo hiểm xã hội	-	40.326.024
Phải trả cổ tức cho cổ đông	16.178.122.713	13.174.274.813
Các khoản phải trả khác	1.037.437.638	1.074.128.163
Công ty Cổ phần Tổng công ty Miền Trung	2.635.446.868	2.635.446.868
Lãi vay phải trả	1.179.299.473	-
	<u>21.064.769.588</u>	<u>16.954.614.988</u>

19. VAY DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước ⁽¹⁾	283.079.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	106.554.248.446
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	175.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ⁽²⁾	20.929.318.858	70.219.946.956
Ngân hàng Ngoại thương Kom Tum	-	300.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP.HCM ⁽³⁾	76.368.085.180	-
Tổng các khoản vay dài hạn	<u>380.376.404.038</u>	<u>352.074.195.402</u>
Trong đó:		
- Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14)	(37.000.000.000)	(117.336.000.000)
Tổng cộng	<u>343.376.404.038</u>	<u>234.738.195.402</u>

(1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước theo:

- Hợp đồng tín dụng số 14420023/2014 - HĐDTDDDA/NHCT504-THACMO ngày 10 tháng 4 năm 2014 với mục đích trả nợ vay cho Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi vay được điều chỉnh và thanh toán 03 tháng một lần, nợ gốc được thanh toán 06 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bởi nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị.

- Hợp đồng tín dụng số 14570015/2014-HĐTDDDA/NHCT504-DAKROSA ngày 29 tháng 10 năm 2014, mục đích vay để thanh toán khoản vay đầu tư nhà máy thủy điện Đăkrosa 2 cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt. Thời hạn vay của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.

(2) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Gia Lai cùng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo:

- Hợp đồng tín dụng số 89/HĐTD ngày 05/01/2004, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng dự án công trình Thủy điện Đăkrosa, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Gia Lai công bố. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (3) Khoản vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng số 015/2014/HDTD/CIB-HCM ngày 26 tháng 6 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất vay tương ứng với từng thời điểm nhận nợ và sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần.

Mục đích sử dụng tiền vay là để đầu tư dự án sản xuất điện năng “Xây dựng Nhà máy Thủy điện Đại Nga – công suất 10MW. Sản lượng điện sản xuất bình quân 44,25 triệu KWH” và tái tài trợ máy móc thiết bị phục vụ Dự án Thủy điện Đại Nga.

Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án “Nhà máy Thủy điện Đại Nga” và các quyền tài sản phát sinh từ dự án địa phận xã Lộc Nga, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cùng với toàn bộ các khoản phải thu trong tương lai cho đến khi Công ty tắt toán khoản vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	37.000.000.000	117.336.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	177.339.744.411	214.447.567.304
Sau năm năm	166.036.659.627	20.290.628.098
	380.376.404.038	352.074.195.402
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 14 phần Vay ngắn hạn)	37.000.000.000	117.336.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	343.376.404.038	234.738.195.402

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn cổ phần**

	31/12/2014	31/12/2013
Được phép phát hành và đã góp đủ vốn		
Số lượng (cổ phần)	70.000.000	70.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

Tên cổ đông	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2	363.415.000.000	51,92	363.415.000.000	51,92
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	273.151.100.000	39,02	248.322.300.000	35,47
Khác	63.433.900.000	9,06	88.262.700.000	12,61
	700.000.000.000	100	700.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
 Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÁU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	700.000.000.000	5.905.440.607	25.947.980.086	17.106.732.663	-	147.081.673.817	896.041.827.173
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	160.783.571.172	160.783.571.172
Phân phối lợi nhuận	-	-	24.636.741.361	7.141.163.000	-	(31.777.904.361)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.695.360.500)	(6.695.360.500)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(111.363.175.200)	(111.363.175.200)
Chuyển nguồn vốn	-	50.548.927.484	(50.548.927.484)	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	(170.802.403)	-	(170.802.403)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	11.095.698	3.475.328	-	(1.423.799.596)	(1.409.228.570)
Tại ngày 31/12/2013	700.000.000.000	56.454.368.091	46.889.661	24.251.370.991	(170.802.403)	156.605.005.332	937.186.831.672
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	242.192.818.182	242.192.818.182
Phân loại lại (1)	-	-	24.251.370.991	(24.251.370.991)	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.927.796.776	-	-	(4.927.796.776)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.684.405.000)	(5.684.405.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(143.060.526.000)	(143.060.526.000)
Điều chỉnh do hợp nhất (L/C DTS)	-	-	-	-	-	435.998.140	435.998.140
Tại ngày 31/12/2014	700.000.000.000	56.454.368.091	29.226.057.428	-	(170.802.403)	245.211.093.878	1.030.720.716.994

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-TMHP-C-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ. Công ty đã công bố cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2013 với giá trị là 140.000.000.000 đồng. Đồng thời theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa ngày 27 tháng 6 năm 2014 cũng tiến hành chia trả cổ tức là 10% tương ứng với số tiền là 3.060.526.000 đồng.

(1) Trong năm Công ty thực hiện phân loại lại quỹ dự phòng đầu tư tài chính sang quỹ đầu tư phát triển theo quy định thông tư số 220/2013/TT-BTC



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa		
Vốn điều lệ của Công ty con	79.539.690.000	79.539.690.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	48.934.430.000	48.934.430.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông thiểu số	<u>30.605.260.000</u>	<u>30.605.260.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>38,48%</u>	<u>38,48%</u>
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên		
Vốn điều lệ của Công ty con	137.500.000.000	137.500.000.000
Trong đó:		
Vốn sở hữu bởi Công ty mẹ	137.390.000.000	137.390.000.000
Vốn sở hữu bởi cổ đông thiểu số	<u>110.000.000</u>	<u>110.000.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>0,08%</u>	<u>0,08%</u>
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	402.766.906.078	342.324.433.733
Tổng nợ phải trả	<u>(173.240.968.568)</u>	<u>(111.675.516.177)</u>
Tài sản thuần	<u>229.525.937.510</u>	<u>230.648.917.556</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	217.039.690.000	217.039.690.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(170.945.915)	(170.945.915)
Các quỹ khác	936.676.379	36.676.379
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>11.720.517.046</u>	<u>13.743.497.092</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	35.399.258.627	35.835.256.767
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	30.605.260.000	30.605.260.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(143.512)	(143.512)
Các quỹ khác	360.414.078	14.112.327
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>4.433.728.061</u>	<u>5.216.027.952</u>
	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong kỳ	7.448.835.844	11.418.954.221
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>2.866.169.527</u>	<u>4.393.799.611</u>

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán điện	681.571.954.076	487.818.980.173
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.746.634.359	8.819.071.968
	<u>687.318.588.435</u>	<u>496.638.052.141</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn sản xuất điện	294.009.144.569	232.274.474.034
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.968.549.289	6.420.072.711
	<u>299.977.693.858</u>	<u>238.694.546.745</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	4.141.969.737	5.554.483.211
Chi phí nhân công	44.499.620.301	34.670.556.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.845.495.258	141.944.885.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.685.665.648	5.451.446.768
Chi phí sửa chữa lớn	44.059.806.900	21.532.318.845
Chi phí khác	99.799.739.361	94.019.716.191
	<u>342.032.297.205</u>	<u>303.173.407.273</u>

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	23.780.097.945	15.400.502.161
Cổ tức, lợi nhuận được chia	488.000.000	7.080.000.000
	<u>24.268.097.945</u>	<u>22.480.502.161</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay	35.679.879.274	48.061.739.960
Dự phòng đầu tư dài hạn	13.968.828.648	-
Lỗ từ đầu tư tài chính dài hạn	-	131.918.868
	<u>49.648.707.922</u>	<u>48.193.658.828</u>

0112600
 CHI NH
 CÔNG
 CH NHIỆM
 ELOIT
 VIỆT N
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	313.727.983.066	209.241.580.887
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	21.043.460.745	(3.390.319.249)
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(525.087.750)	(7.080.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	19.900.565.495	3.567.147.916
Điều chỉnh do ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	1.667.983.000	122.532.835
Thu nhập chịu thuế	334.771.443.811	205.851.261.638
Thu nhập chịu thuế suất 22% năm 2014 và 25% năm 2013	324.695.020.492	191.005.926.370
Thu nhập chịu thuế suất 10%	10.076.423.319	14.845.335.268
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	72.440.546.840	49.236.015.119
Thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 25% năm 2013 và 22% năm 2014	71.432.904.508	47.751.481.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 10%	1.007.642.332	1.484.533.527
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(581.574.464)	(742.266.763)
Điều chỉnh khác	43.148.768	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	71.902.121.144	48.493.748.356

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2013: 25%) tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được hưởng một số ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại phần H của Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ như sau:

- Đối với Dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu (năm 2007).
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có doanh thu.

Theo đó công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2010, được giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2011 đến 2015, áp dụng mức thuế suất 10% từ năm 2016 đến năm 2021 và mức thuế suất theo quy định hiện hành từ năm 2022 trở về sau.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	239.326.648.655	156.389.771.561
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	239.326.648.655	156.389.771.561
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.419	2.234

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	387.724.590.188	352.074.195.402
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	188.495.115.029	212.873.059.571
Nợ thuần	199.229.475.159	139.201.135.831
Vốn chủ sở hữu	1.030.720.716.994	937.186.831.672
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,19	0,15

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.495.115.029	212.873.059.571
Phải thu khách hàng và phải thu khác	165.482.631.348	97.070.867.130
Các khoản đầu tư ngắn hạn	257.384.941.666	115.848.141.795
Các khoản đầu tư dài hạn	159.111.171.352	152.080.000.000
	770.473.859.395	577.872.068.496
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	387.724.590.188	352.074.195.402
Phải trả người bán và phải trả khác	27.724.347.944	44.255.681.824
Chi phí phải trả	13.254.735.845	14.094.221.813
	428.703.673.977	410.424.099.039

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 7.754.491.804 đồng (2013: 7.041.438.908 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải vì mục đích kinh doanh mà cho chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu đến từ các công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long

Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 2 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	188.495.115.029	-	-	188.495.115.029
Phải thu khách hàng và phải thu khác	165.482.631.348	-	-	165.482.631.348
Các khoản đầu tư ngắn hạn	257.384.941.666	-	-	257.384.941.666
Các khoản đầu tư dài hạn	-	21.000.000.000	138.111.171.352	159.111.171.352
	611.362.688.043	21.000.000.000	138.111.171.352	770.473.859.395
31/12/2014				
Các khoản vay	44.348.186.150	177.339.744.411	166.036.659.627	387.724.590.188
Phải trả người bán và phải trả khác	27.724.347.944	-	-	27.724.347.944
Chi phí phải trả	13.254.735.845	-	-	13.254.735.845
	85.327.269.939	177.339.744.411	166.036.659.627	428.703.673.977
Chênh lệch thanh khoản thuần	526.035.418.104	(156.339.744.411)	(27.925.488.275)	341.770.185.418
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.873.059.571	-	-	212.873.059.571
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.070.867.130	-	-	97.070.867.130
Các khoản đầu tư ngắn hạn	115.848.141.795	-	-	115.848.141.795
Các khoản đầu tư dài hạn	-	-	152.080.000.000	152.080.000.000
	425.792.068.496	-	152.080.000.000	577.872.068.496
31/12/2013				
Các khoản vay	117.336.000.000	214.447.567.304	20.290.628.098	352.074.195.402
Phải trả người bán và phải trả khác	44.255.681.824	-	-	44.255.681.824
Chi phí phải trả	14.094.221.813	-	-	14.094.221.813
	175.685.903.637	214.447.567.304	20.290.628.098	410.424.099.039
Chênh lệch thanh khoản thuần	250.106.164.859	(214.447.567.304)	131.789.371.902	167.447.969.457

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30-0
HÁN
G TY
M HỮ
ITT
NAM
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Phát điện 2	Chủ sở hữu
Công ty Mua bán điện	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Đơn vị cùng Tập đoàn
Trung tâm Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Mua bán điện	635.365.414.893	441.515.616.473
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	46.153.978.481	-
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.939.951.311	14.108.120.016
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	6.335.038.891	23.302.795.833
Góp vốn		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	2.400.000.000	3.400.000.000
Mua hàng		
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	111.366.715	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	<u>700.200.000</u>	<u>745.200.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠKhu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Mua bán điện	127.598.712.997	53.862.009.725
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	92.094.767
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.459.346.033	-
Phải thu khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.421.000.000	-
Phải trả		
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	-	180.392.831
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.876.704.790	-
Trung tâm Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	55.683.357	48.150.977
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Miền Trung	2.635.446.868	-
Các khoản vay		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	106.554.248.446
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	175.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.876.704.790	9.490.727.711
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	4.336.888.887
	<u>72.683.000.000</u>	<u>54.512.250.000</u>
Cổ tức đã trả		
Tổng công ty phát điện 2	72.683.000.000	54.512.250.000



Hồ Thành Công
Người lập biểu



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2015